

Số: 70/2025/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần C; địa chỉ: số A T, phường C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Hồng Q – chức danh: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Q2.

Người nhận uỷ quyền lại: bà Lương Bích H, chức danh: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Q2; bà Trần Thị Thu H1, Trưởng Phòng Tổng hợp; ông Vũ Đức T, là Phó Phòng Tổng hợp; địa chỉ: đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

* *Bị đơn*: anh Vũ Mạnh T1, sinh năm 1988 và chị Bùi Hạnh Q1, sinh năm

1988; đều cư trú tại: tổ C, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả: anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C (tạm tính đến hết ngày 21/11/2025) số tiền là: 1.358.135.724 (một tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi tư) đồng; bao gồm: nợ gốc là 1.214.240.000 (một tỷ, hai trăm mười bốn triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn là: 131.956.013 (một trăm ba mươi một triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm mười ba) đồng, nợ lãi quá hạn là 11.939.013 (mười một triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, không trăm mười ba) đồng; theo Hợp đồng cho vay số 225/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 22/11/2022; Giấy nhận nợ số 01 ngày 22/11/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Q2 và anh Vũ Mạnh T1, chị Bùi Hạnh Q1.

2.2 Về thời hạn trả nợ:

+ Đợt 1: chậm nhất ngày 15/12/2025, anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng;

+ Đợt 2: chậm nhất ngày 15/02/2026, anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

+ Đợt 3: chậm nhất ngày 15/3/2026, anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C toàn bộ số tiền còn lại là 1.198.135.724 (một tỷ, một trăm chín mươi tám triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi tư) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/11/2025.

Trường hợp anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 vi phạm bất kỳ Đợt trả nợ nào nêu trên, thì bị coi là vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 21/11/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án **theo mức lãi suất quá hạn** các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 225/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 22/11/2022; Giấy nhận nợ số 01 ngày 22/11/2022, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Q2 và anh Vũ Mạnh T1, chị Bùi Hạnh Q1 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp đến hạn mà anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền là 1.358.135.724 (một tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi tư) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/11/2025 cho Ngân hàng Thương mại cổ

phần C, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô 8 chỗ, nhãn hiệu TOYOTA LAND CRUISER, màu xanh, sản xuất năm 2013, theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14033253 do Công an Tỉnh Q cấp ngày 16/11/2022, mang tên anh Vũ Mạnh T1 để thu hồi nợ; theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 225/2022/HĐBĐ/NHCT30036 ngày 22/11/2022, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – chi nhánh Q2 và anh Vũ Mạnh T1, chị Bùi Hạnh Q1.

2.5 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần C thì anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 225/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 22/11/2022; Giấy nhận nợ số 01 ngày 22/11/2022, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Q2 và anh Vũ Mạnh T1, chị Bùi Hạnh Q1.

2.6 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.7 Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): anh Vũ Mạnh T2 và chị Bùi Hạnh Q1 tự nguyện chịu 6.000.000 (sáu triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Anh Vũ Mạnh T1 và chị Bùi Hạnh Q1 chịu 13.186.018 (mười ba triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm mười tám) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C chịu 13.186.018 (mười ba triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm mười tám) đồng, được trừ vào số tiền 25.647.000 (hai mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001402 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 12.460.982 (mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, chín trăm tám mươi hai) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An